

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Trần Anh Sáng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Anh Phong và ông Trần Quốc Đầu

- Thư ký phiên tòa: Ông: Võ Anh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà: Hoàng Thị Phương Thảo -Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị: Nguyễn Thị B – Sinh năm: 1988 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: khối 1, phường TĐ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh: Trần Đình C – Sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: khối 1, phường TĐ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: chị Nguyễn Thị B và anh Trần Đình C kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TĐ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ngày 29/9/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C rượu chè bê tha, không chu cấp trách nhiệm nuôi con và có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xô xát. Mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân được 03 năm, không còn quan tâm, chăm sóc, cho nhau. Nay chị B xét thấy không còn tình cảm với anh C nữa, vợ chồng không thể khắc phục, sửa chữa để về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi

dạy con chung, nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung.

Họ và tên: Trần Nguyễn Uyên N, sinh ngày: 27/01/2015

Nay ly hôn chị B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Uyên N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Trần Đình C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến làm việc, hòa giải nhưng tại các buổi làm việc, hòa giải anh Cường không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án thực hiện các bước tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ tình cảm: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Trần Đình C. Về con chung: Giao con chung: Trần Nguyễn Uyên N, sinh ngày: 27/01/2015 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh C do chị B không yêu cầu. Anh Trần Đình C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị B không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Buộc chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh Trần Đình C, sinh năm: 1987, trú tại: khối 1, phường TĐ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Vinh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phía bị đơn, anh Trần Đình C, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải, thông báo phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa được mở vào ngày 02/7/2018, anh C vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã hoãn phiên tòa xét xử lần thứ nhất, vụ án được đưa ra xét xử lần thứ hai, đã tổng đạt đầy đủ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vẫn không có mặt. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 227 BLTTDS, để xét xử vụ án vắng mặt anh C.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Đình C kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TĐ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ngày 29/9/2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh C là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị B và anh C thấy rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị B thì do anh C rượu chè bê tha, không chu cấp trách nhiệm nuôi con và có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xô xát. Mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân được 03 năm không quan tâm, chăm sóc, cho nhau. Nay chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B xin được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống. Xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng đã sống ly thân được 3 năm.

Như vậy, có thể khẳng định tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị B và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị B được ly hôn anh C như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Trần Nguyễn Uyên N, sinh ngày: 27/01/2015. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị B có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu anh C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị B thấy rằng: Cháu Trần Nguyễn Uyên N, sinh ngày: 27/01/2015 hiện còn nhỏ, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con do chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh C không có mặt để trình bày nguyện vọng của mình về vấn đề nuôi con. Vì vậy, cần giao con Trần Nguyễn Uyên N cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chị B không yêu cầu anh C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh C.

Về tài sản: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Về quan hệ tình cảm: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Trần Đình C.

2/ Về con chung: Giao con chung: Trần Nguyễn Uyên N, sinh ngày: 27/01/2015 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh C do chị B không yêu cầu.

Anh Trần Đình C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh C.

Chị B cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo biên lai số 0002185 ngày 14 tháng 3 năm 2018.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo bản án. Anh Trần Đình C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND TP. Vinh;
- Các đương sự;
- UBND phường TĐ;
- Chi cục THADS TP. Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Trần Anh Sáng